TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Ven.
2. Ông Tạ Văn Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990 (Vắng mặt, có đơn).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện S, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh N, sinh năm 1989 (Vắng mặt lần 02).
Đồng trú tại: Thôn T1, xã B, huyện S, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: chị và anh Trần Thanh N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 22/8/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh N không lo làm ăn mà còn cờ bạc, trai gái về nhà gây sự đánh đập chị dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ năm 2020. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì, chị yêu cầu ly hôn anh Trần Thanh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Trần Thành H, sinh ngày 31/3/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung (Hậu) đến trưởng thành; không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Thanh N vắng mặt không có lý do: anh Trần Thanh N đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 03/10/2023, Công an xã B cung cấp: anh Trần Thanh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã B, huyện S; hiện anh N đang có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn một vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Trần Thanh. Về con chung: giao con chung là Trần Thành H, sinh ngày 31/3/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: chị Trà không yêu cầu nên miễn xét. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Thanh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 22/8/2016 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, anh N không lo làm ăn mà còn gây sự đánh đập chị T dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm

nhau. Mâu thuẫn không được giải quyết mà kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ năm 2020. Anh N có mặt tại địa phương mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh N có 01 con chung tên: Trần Thành H, sinh ngày 31/3/2017 (hiện đang sống cùng chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung (H) đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007425 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Trần Thanh N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thành H, sinh ngày 31/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007425 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam